

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi 1 ngày (%)
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm	2.31	0.2
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm	4.18	5.8
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng	4.95	6.5
USD/VND	25,385	0.0
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm	4.7	-0.4
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm	4.3	-0.4

Ngày 9/1, tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 24.338 VND/USD, tăng 8 đồng so với mức niêm yết trước đó. Áp dụng biên độ 5%, hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại được phép giao dịch là từ 23.121 - 25.555 VND/USD.

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)		
		1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng (USD/oz)	2,682.10	0.4	0.6	31.9
Dầu WTI (USD/b) 1 tháng	73.26	-0.1	7.2	1.4
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	76.13	0.0	5.5	-1.9
Thép (USD/tấn)	478.9	-0.2	-1.8	-14.7
Thịt heo (USD/kg)	2.2	0.5	2.1	14.5
Phân urea (USD/tấn)	N/A	N/A	8.1	19.4

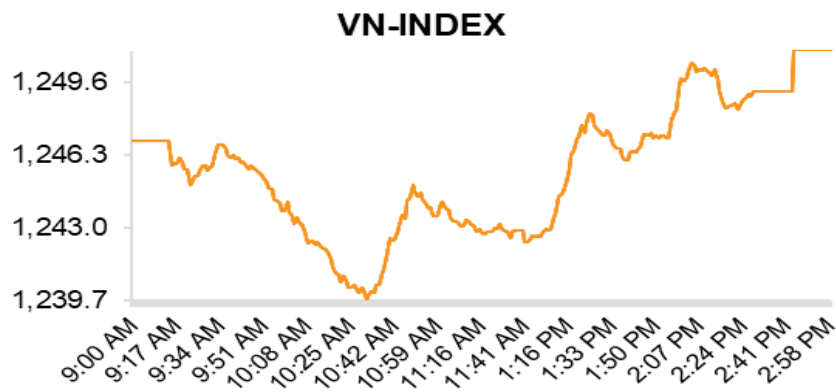
Trong tháng 11, các Ngân hàng Trung ương mua 53 tấn vàng, mức cao nhất trong 14 tháng và là tháng thứ 18 liên tiếp mua ròng. Tổng cộng, 794 tấn đã được mua trong 11 tháng đầu năm 2024, mức lớn thứ ba trong thế kỷ này. Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ và Trung Quốc là các quốc gia mua nhiều nhất, góp phần đẩy giá vàng tăng 28% từ đầu năm.

	Thị trường vốn và Ví mô	
	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)
Dow Jones	42,635	0.3
NASDAQ	21,181	0.0
S&P500	8,278	0.3
FTSE 100	20,303	-0.1
Nikkei 225	39,605	-0.9
Shanghai Shenzhen CSI 300	3,780	-0.2
KOSPI Index	2,522	0.0

Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu đã giảm xuống 49,6 vào tháng 12, hiện đã giảm trong 5 trong số 6 tháng qua. Sự sụt giảm trong tháng 12 là do sản lượng, đơn đặt hàng mới, việc làm và mức độ mua hàng đều suy giảm. Mức độ yếu kém lớn nhất được ghi nhận ở Pháp, Đức và Áo. Hơn nữa, khối lượng thương mại quốc tế đã giảm mạnh trong tháng thứ 7 liên tiếp.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tại Trung Quốc trong tháng 12 tăng 0,1% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng chậm hơn so với tháng trước đã làm dấy lên lo ngại về giảm phát. Tiêu dùng vẫn chưa phục hồi dù Bắc Kinh đã triển khai nhiều biện pháp kích thích kể từ tháng 9/2024, bao gồm cắt giảm lãi suất, hỗ trợ thị trường chứng khoán và bất động sản, cũng như tăng cường cho vay ngân hàng.

### Thị trường chứng khoán



Ngành (VNIndex)	Tỷ trọng VN-INDEX	Thay đổi (%)	P/E	P/B
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	3.6	-0.5%	54.2	4.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	8.0	-0.2%	31.7	3.0
Năng lượng	1.5	1.0%	16.0	1.6
Tài chính	45.4	-0.7%	11.3	1.8
Chăm sóc sức khỏe	0.8	0.2%	20.7	2.6
Công nghiệp	9.0	-0.3%	33.8	2.8
Công nghệ thông tin	4.7	0.2%	28.8	7.0
Vật liệu xây dựng	8.5	-0.7%	20.3	1.8
Bất động sản	12.8	0.2%	35.0	1.6
Dịch vụ tiện ích	5.6	0.1%	17.0	2.3

Nguồn: Bloomberg

### Nhận định thị trường hàng ngày

Thị trường hôm nay chứng kiến một phiên giao dịch với thanh khoản gần như "đóng băng" với mức sụt giảm mạnh nhất trong vòng 4 năm. Kết phiên, chỉ số VN-Index đóng cửa tại 1245,77 điểm (-5,25 điểm ~ 0,42%), thị trường nghiêng về số mã giảm với tỷ lệ mã tăng/giảm giá là 126/263.

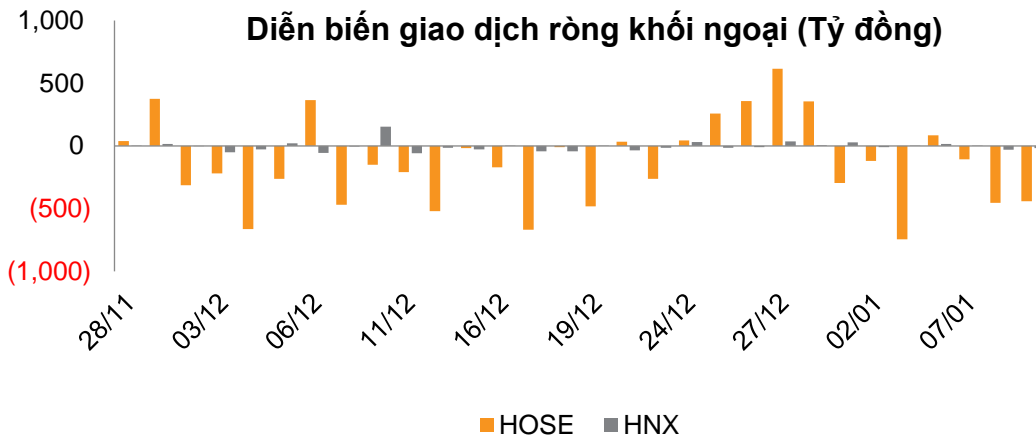
Thị trường đã trải qua ba phiên tích lũy gần vùng hỗ trợ mạnh và vẫn chưa thủng khu vực hỗ trợ này. Các cổ phiếu trụ đều không có dấu hiệu giao dịch quá rủi ro cho thấy xu hướng thị trường có thể hồi phục trong thời gian tới. Các nhà đầu tư có thể tận dụng nhịp hồi phục để tái cơ cấu lại danh mục chuẩn bị cho dịp nghỉ tết dài ngày. Ngưỡng hỗ trợ và kháng cự lần lượt là 1240/1280.

Các chỉ báo kỹ thuật của VN-Index								
RSI	Bollinger band	Thanh khoản/chỉ số	Độ rộng thị trường	Tương quan các đường MA	Hỗ trợ/Kháng cự	Lãi lỗ T+3	Trendline	Mẫu hình nến
→	↓	↑	↑	→	→	↓	→	→

**Định giá P/E**

**Nhận định**

Thị trường đang giao dịch ở mức P/E 14,9x lần. Giá trị P/E trung bình trong vòng 10 năm là 16,6x lần.



Khối ngoại bán ròng 441 tỷ đồng tập trung vào STB (-84,5 tỷ), VNM (-44,2 tỷ), SSI (-41 tỷ), BID (-33,8 tỷ), HPG (-33,7 tỷ), CTG (-33 tỷ), VCB (-31,3 tỷ). Ngược lại, khối ngoại mua ròng tập trung vào HDB (46,3 tỷ).